

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**
Bản án số: 87/2025/HSST
Ngày: 15-8-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiên Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Kim Tám

Bà Bạc Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Bình, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-HS ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với bị cáo:

Nguyễn Đỗ L, sinh ngày 17/7/1983, tại tỉnh Điện Biên; Nơi thường trú: Tổ A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là: tổ A, phường M, tỉnh Điện Biên); Nơi tạm trú: Số I, tổ A, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là: số I, tổ A, phường Đ, tỉnh Điện Biên); Nghề nghiệp: Kinh doanh; Chức vụ trước khi phạm tội: Phó giám đốc công ty TNHH T3; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành N (đã chết) và bà Đỗ Thị M, sinh năm 1960; Vợ: Nguyễn Phương N1, sinh năm 1989 và có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/4/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Đội liên thuế huyện T- M nay là Thuế cơ sở 2, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Viết T, chức vụ: Trưởng thuế cơ sở 2 - tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đào Viết T: Bà Nguyễn Thị L1, chức vụ Tổ trưởng tổ quản lý, hỗ trợ Doanh nghiệp theo giấy uỷ quyền lập ngày 14/8/2025. Có mặt

- **Người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Nguyễn Phương N1, sinh năm 1989, địa chỉ: phường G, quận H, thành phố Hà Nội (nay là: phường H, thành phố Hà Nội). Vắng mặt

- **Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Hoàng L2, sinh năm 1988, địa chỉ: số nhà D, tổ H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là: tổ H, phường Đ, tỉnh Điện Biên); Vắng mặt

2. Ông Lê Giải P, sinh năm 1954, địa chỉ: tổ A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là: tổ A, phường M, tỉnh Điện Biên); Vắng mặt

3. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1959, địa chỉ: thôn A, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là: thôn A, xã T, tỉnh Điện Biên); Có mặt

4. Ông Trần Hồng H, sinh năm 1986, địa chỉ: bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là: bản T, xã T, tỉnh Điện Biên); Vắng mặt

5. Bà Lê Thị Thanh M1, sinh năm 1988, địa chỉ: bản T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là: Bản T, phường M, tỉnh Điện Biên); Vắng mặt

6. Ông Nguyễn Hữu L3, sinh năm 1972, địa chỉ: tổ A, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là: tổ A, phường Đ, tỉnh Điện Biên); Vắng mặt

7. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1987, địa chỉ: bản P, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là: bản P, phường M, tỉnh Điện Biên); Vắng mặt

8. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1982, địa chỉ: tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là: tổ B, phường Đ, tỉnh Điện Biên); Vắng mặt

9. Ông Vũ Duy D1, sinh năm 1984, địa chỉ: bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là: bản Hua Ná, xã T, tỉnh Điện Biên). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/7/2020, Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5600332951 cho Công ty TNHH T3 (sau đây viết tắt là công ty T3); địa chỉ trụ sở chính: Số nhà I, tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là tổ dân phố A, phường N, tỉnh Điện Biên); Người đại diện theo pháp luật của công ty là bà Nguyễn Phương N1; Ngành nghề sản xuất, kinh doanh: Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện, xây dựng công trình điện, lắp đặt hệ thống điện...Sau khi thành lập bà Nguyễn Phương N1 uỷ quyền cho Nguyễn Đỗ L, là Phó giám đốc Công ty T4 trực tiếp tiến hành tất cả các hoạt động, sản xuất, kinh doanh của công ty.

Công ty T3 kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực thành phố Đ - M (nay là T tỉnh Điện biên) theo phương pháp khấu trừ thuế. Trong năm 2020, sau khi Công ty T3 thi công hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái, Nguyễn Đỗ L, không ghi chép trong sổ kế toán khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; Không xuất hoá đơn khi bán hàng hoá, dịch vụ trị giá 1.694.306.000

đồng (một tỷ sáu trăm chín mươi tư triệu ba trăm linh sáu nghìn đồng) cho 04 cá nhân trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể: Khoảng tháng 8/2020, Nguyễn Đỗ L thi công lắp đặt điện năng lượng mặt trời áp mái cho anh **Nguyễn Hoàng L2**, sinh năm 1988, trú tại: số nhà D, tổ H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là tổ H, phường Đ, tỉnh Điện Biên), địa điểm tại số nhà D, tổ H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là tổ H, phường Đ, tỉnh Điện Biên), tổng công suất lắp đặt là 20 kWp, giá trị hợp đồng là 325.000.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu đồng); Khoảng tháng 10/2020, Nguyễn Đỗ L thi công lắp đặt điện năng lượng mặt trời áp mái cho ông **Lê Giải P**, sinh năm 1954, trú tại: tổ A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là tổ A, phường M, tỉnh Điện Biên), địa điểm tại số nhà A, tổ A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là tổ A, phường M, tỉnh Điện Biên), tổng công suất lắp đặt là 16 kWp, giá trị hợp đồng là 192.000.000 đồng (một trăm chín mươi hai triệu đồng), ông P và L thống nhất thanh toán cho nhau 191.600.000 đồng (một trăm chín mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng); Khoảng tháng 11/2020, Nguyễn Đỗ L thi công lắp đặt điện năng lượng mặt trời áp mái cho ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1959, trú tại: thôn A, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là thôn A, xã T, tỉnh Điện Biên), địa điểm tại nhà anh Trần Hồng H thuộc bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản T, xã T, tỉnh Điện Biên), tổng công suất lắp đặt là 42,1 kWp, giá trị hợp đồng là 505.000.000 đồng (năm trăm linh lăm triệu đồng); Trong tháng 11, 12/2020, Nguyễn Đỗ L thi công lắp đặt điện năng lượng mặt trời áp mái cho ông **Hà Văn T1**, sinh năm 1963, trú tại: thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là thôn M, xã T, tỉnh Điện Biên), địa điểm tại đội F, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là đội F, xã T, tỉnh Điện Biên), tổng công suất lắp đặt là 50 kWp, giá trị hợp đồng là 673.920.000 đồng (sáu trăm bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), ông T1 và L thống nhất thanh toán cho nhau 672.706.000 đồng (sáu trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng). Hành vi không ghi chép trong sổ kế toán khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; không xuất hoá đơn hàng hoá, dịch vụ đối với khoản tiền 1.694.306.000 đồng (một tỷ sáu trăm chín mươi tư triệu ba trăm linh sáu nghìn đồng) của Nguyễn Đỗ L đã gây thiệt hại về thuế giá trị gia tăng cho Nhà nước là 154.027.818 đồng (một trăm năm mươi tư triệu không trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm mười tám đồng).

Kết luận giám định ngày 24/4/2025 của Tổ giám định tư pháp, Chi cục thuế khu vực I, kết luận: “Trường hợp công ty TNHH T3 cung ứng hàng hoá, dịch vụ, thi công lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái nhưng không xuất hoá đơn giá trị gia tăng, không ghi chép trong sổ kế toán đối với khoản tiền 1.694.306.000 đồng (một tỷ sáu trăm chín mươi tư triệu ba trăm linh sáu nghìn đồng) trong năm 2020 sẽ gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước...Do đó số thuế giá trị gia tăng thiệt hại NSNN là 154.027.818 đồng (một trăm năm mươi tư triệu không trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm mười tám đồng).

Cáo trạng số 43/CT-VKSĐB-P1 ngày 17/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nguyễn Đỗ L về tội “*Trốn thuế*” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đỗ L phạm tội “*trốn thuế*”. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đỗ L từ 100 triệu đồng đến 120 triệu đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Buộc bị cáo bồi hoàn lại số đã trốn thuế là 154.027.818 đồng bị cáo đã nộp 40.000.000 đồng còn lại bị cáo phải tiếp tục thi hành là 114.027.818 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đại diện hợp pháp nguyên đơn dân sự tại phiên tòa có ý kiến yêu cầu bị cáo phải nộp đầy đủ số tiền đã gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Phương N1 khai nhận cho chồng là Nguyễn Đỗ L mượn giấy tờ để đứng ra lập công ty không biết công ty L4, doanh nghiệp hoạt động thế nào, không tham gia hoạt động kinh doanh, mọi việc do L trực tiếp quản lý, điều hành.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa HĐXX công bố lời khai những người này bị cáo nhất trí không có ý kiến phản đối. Nhưng người làm chứng có mặt tại phiên tòa giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không có ý kiến bổ sung.

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, bị cáo không có tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức phạt tiền nhẹ nhất để có điều kiện đi làm khắc phục hậu quả và thi hành hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Trong năm 2020, Nguyễn Đỗ L, là Phó giám đốc Công ty TNHH T3. Sau khi thi công hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái cho anh Nguyễn Hoàng L2, ông Hà Văn T1, ông Lê Giải P và ông Trần Văn Đ nhận được số tiền 1.694.306.000 đồng. Nguyễn Đỗ L, không ghi chép trong sổ kế toán khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; không xuất hóa đơn hàng hóa, dịch vụ đối với khoản tiền 1.694.306.000 đồng, gây thiệt hại về thuế giá trị gia tăng cho Nhà nước là 154.027.818 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như Cáo trạng số 43/CT-VKSĐB-P1 ngày 17/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy

tổ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định tư pháp.

Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “trốn thuế” với hai tình tiết định khung là không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; Không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự quản lý việc thu thuế, nộp ngân sách cho Nhà nước, dẫn đến thất thu ngân sách, gây thiệt hại tiền thuế cho Nhà nước. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L không có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện nộp lại một phần số tiền thuế với số tiền 40.000.000 đồng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo vừa đảm bảo việc thu nộp ngân sách nhà nước, vừa có tác dụng răn đe và cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với bị cáo. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về phần hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015: Người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Với loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu. Chủ

sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty thì trách nhiệm chính thuộc về chủ sở hữu công ty. Theo giấy đăng ký thì bà Nguyễn Phương N1 là vợ bị cáo đứng tên chủ sở hữu nhưng đã ủy quyền toàn bộ cho bị cáo, không biết việc bị cáo kinh doanh và từ khi thành lập đến khi kết thúc hoạt động mọi hợp đồng, chứng từ tài chính, đều do bị cáo đứng tên phó giám đốc công ty thực hiện do vậy bị cáo có trách nhiệm phải hoàn nộp lại tổng số tiền trốn thuế là 154.027.818 đồng. Bị cáo đã nộp 40.000.000 đồng để bồi hoàn số tiền còn lại 114.027.818 đồng buộc bị cáo tiếp tục nộp trả lại Ngân sách Nhà nước.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Nhưng vấn đề khác.

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, năm 2020, Công ty T3 được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ T5.

Đối với bà Nguyễn Phương N1, Giám đốc, Công ty TNHH T3. Sau khi thành lập Công ty đã ủy quyền cho Nguyễn Đỗ L là Phó giám đốc Công ty T3 trực tiếp tiến hành tất cả các hoạt động, sản xuất, kinh doanh của công ty. Bà N1 không biết việc Nguyễn Đỗ L thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Nguyễn Phương N1.

Đối với Công ty TNHH T3, không thỏa mãn điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 75 Bộ luật Hình sự. Do đó, không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH T3.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đỗ L phạm tội “ Trốn thuế ”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 48 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đỗ L 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 15/2025/HSST-LCĐKNCT ngày 18/7/2025) và biện pháp tạm hoãn xuất cảnh (theo Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 14/2025/HSST-QĐTHXC ngày 18/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên) đối với bị cáo Nguyễn Đỗ L.

3. Buộc bị cáo Nguyễn Đỗ L N3 lại số tiền trốn thuế là 154.027.818 đồng. Bị cáo đã nộp số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9102954.0000 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ theo giấy nộp tiền ngày 30/6/2025 và ủy nhiệm chi ngày 15/8/2025 của Ngân hàng N4 chi nhánh

Đ1, tỉnh Điện Biên và chi nhánh tỉnh Đ. **Còn lại số tiền 114.027.818 đồng bị cáo phải tiếp tục nộp cho T2 cơ sở 2 - tỉnh Điện Biên để nộp Ngân sách nhà nước.**

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Nguyễn Đỗ L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I (TANDTC);
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự,
- Người có QL, NV LQ
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Hưng